

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANG  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 189/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 27 – 8 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANG, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trực

Ông Lâm Quang Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: Ông Lê Văn L. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và bà Lê Văn L tiến tới hôn nhân vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Nhận thấy hôn nhân

không thể hàn gắn, nay bà N yêu cầu Toà án không công nhận bà N và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 11/6/2000, giới tính: Nam. Con chung hiện tại đã trưởng thành và đang sống chung với bà N.

Tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn L trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà N đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống ông L và ông N tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay ông L đề nghị Toà án không công nhận bà N và ông L là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận dà Nhiên với ông Lê Văn L là vợ chồng. Đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn L sống chung như vợ chồng vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà N không có giá trị pháp lý. Cho nên, việc bà N yêu cầu Toà án không công nhận ông L và bà N là vợ chồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn L là vợ chồng.

2. Con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 00001009 ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố V. Bà Nguyễn Thị N không phải nộp thêm.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Thị Trinh**